



DOI:10.22144/ctujos.2025.167

ĐỖ LAI THÚY VÀ MỸ HỌC THƠ

Hồ Thế Hà*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): htngoc1993@sgu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 16/06/2025

Sửa bài (Revised): 03/09/2025

Duyệt đăng (Accepted): 28/10/2025

Title: Do Lai Thuy and poetry aesthetics

Author: Ho The Ha*

Affiliation(s): Hue University of Sciences, Viet Nam

TÓM TẮT

Thơ như là mỹ học của cái khác của Đỗ Lai Thúy là công trình khoa học tiếp cận và nghiên cứu thơ Việt Nam hiện đại ở cấp độ tổng thể và bộ phận, diện và điểm, cả nền thơ và cá thể nhà thơ trong tính lịch đại và đồng đại. Qua đó, thi trình và quy luật, mô hình và hệ hình, thi pháp chung và thi pháp riêng của thơ Việt hiện đại trong tính hệ thống và khoa học thông qua việc chỉ ra cái Khác được vạch ra- như là sự phát triển và liên tục sáng tạo của các thể hệ nhà thơ để làm nên những giá trị mỹ học thơ, lịch sử thơ. Mục tiêu của bài viết này nhằm khẳng định sự đóng góp khoa học mới mẻ của Đỗ Lai Thúy về tiến trình thơ Việt hiện đại theo tinh thần thể hiện cái khác qua các giai đoạn thơ.

Từ khóa: Cái khác, Đỗ Lai Thúy, hệ hình thơ, mỹ học thơ, thơ Việt Nam hiện đại

ABSTRACT

Poetry as the aesthetics of the otherness of Do Lai Thuy is a scientific work/ project to access and research Vietnam Poetry at the overall level and department, area, and point, both poetry and poet individuals in the great calendar and co-belt. Thereby, outlining the poetry process and rule, poetry model and paradigm, general poetics and private poetics of Vietnamese modern poetry in a systematic and scientific manner to point out the otherness, such as the development and continuous creativity of poets to make the aesthetic value of poetry poetics and poetry history. The target of this article is to affirm the new scientific contribution of Do Lai Thuy about the Vietnamese modern poetry process in the spirit of Otherness through the poetry stages.

Keywords: Otherness, Do Lai Thuy, poetry paradigm, poetry aesthetics, modern Vietnamese poetry

1. GIỚI THIỆU

Đỗ Lai Thúy - nhà phê bình văn học tài hoa và nghệ sĩ, tích hợp tư duy triết mỹ kim cổ đông tây nhuần nhuyễn để thẩm định thi ca một cách hiệu quả. Tập chuyên luận *Thơ như là mỹ học của cái khác* được Nhà xuất bản Hội nhà văn và Song Thủy Bookstore ấn hành năm 2012 đã thu hút sự quan tâm

của các nhà nghiên cứu văn học và độc giả. Tập sách là kết quả nghiên cứu công phu của một người yêu thơ và hết mình với nền thơ Việt. Và dù không có lời phi lộ, nhưng qua biểu tượng “mắt T” ở bìa sách, người đọc nhận ra, chuyên luận này chính là nối tiếp *Mắt thơ* (tập chuyên luận phê bình phong cách các nhà Thơ mới 1932 - 1945) của Đỗ Lai Thúy trong cái nhìn đồng đại và lịch đại thi ca Việt hiện đại ở cấp độ

tổng thể và bộ phận, ở diện và điểm, ở cả nền thơ và cá thể nhà thơ. Qua đó, thi trình và quy luật, mô hình và hệ hình, thi pháp chung và thi pháp riêng của thơ Việt trong tính hệ thống chỉnh thể và khoa học thông qua việc chỉ ra cái Khác - như là sự phát triển và liên tục sáng tạo của các thể hệ nhà thơ trên hành trình vinh quang và gian khổ của họ để làm nên những giá trị mỹ học thơ, lịch sử thơ được vạch ra. Chính vì vậy, đến nay, chuyên luận này vẫn có giá trị khoa học và mang tính cập nhật để tiếp tục nghiên cứu mới và nghiên cứu bổ sung tiến trình thơ Việt hiện đại (cả miền Bắc và miền Nam) liên tục vận động và phát triển đến hôm nay. Mục tiêu của bài viết là cố gắng chỉ ra sự tiếp nhận và nghiên cứu thơ Việt hiện đại của Đỗ Lai Thúy theo tinh thần chỉ ra cái Mới và cái Khác qua các giai đoạn thơ với thi pháp thơ riêng của từng giai đoạn và từng tác gia tiêu biểu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

– *Phương pháp liên ngành*: Vận dụng phương pháp này để xem xét, thấy được sự mới mẻ của Đỗ Lai Thúy khi ông đặt tiến trình thơ Việt Nam hiện đại trong liên hệ với triết học, lịch sử và văn hoá để khái quát thành đặc điểm, thi pháp thơ, mô hình thơ và hệ hình thơ, làm thành tính mới mẻ cho công trình *Thơ như là mỹ học của cái khác*.

– *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: Vận dụng phương pháp này để so sánh và đối chiếu, thấy được kết quả nghiên cứu của Đỗ Lai Thúy qua công trình *Thơ như là mỹ học của cái khác* là mới và khác so với kết quả nghiên cứu thơ Việt Nam hiện đại của các tác giả khác trước đây là có cơ sở lý luận và thực tiễn.

– *Phương pháp cấu trúc, hệ thống*: Vận dụng phương pháp này để xem xét kết quả nghiên cứu của Đỗ Lai Thúy trong công trình *Thơ như là mỹ học của cái khác* dựa trên tính hệ thống và cấu trúc để chỉ ra mô hình thơ, cấu trúc thơ Việt Nam hiện đại là thực sự có tính khoa học, đáng tin cậy.

3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

3.1. Cái Khác của thơ như là mỹ học thơ

Trong công trình *Thơ như là mỹ học của cái khác*, ý hướng tính và thao tác khoa học của Đỗ Lai Thúy thể hiện sáng rõ qua cấu trúc chuyên luận, gồm: Phần 1 là tiểu luận nghiên cứu tổng quan về hành trình thơ Việt: *Thơ như là mỹ học của cái khác*. Phần 2 minh chứng chuyên sâu cho phần 1 bằng những chân dung thi sĩ với thi pháp độc sáng: *Chân trần đến cái khác*. Và phần 3 là những tiểu khê đồ về biển lớn thi ca: *Những nẻo đường của cái khác*. Tính tự trị chỉnh thể của một cấu trúc như thế, tự nó đã mang nghĩa thông điệp học đến bạn đọc một cách

minh định và xác tín về nội dung khoa học cần nghiên cứu. Và hơn thế, nó vẫy gọi đồng tư duy để tiếp tục làm đầy những nghiên cứu - sáng tạo mới cho người đọc chuyên sâu nhằm làm cho lịch sử thi ca Việt không ngừng được hiển minh và khắc phục những giới hạn ở những kết quả nghiên cứu trước đó - vì nhiều lý do đã chưa giải quyết khách quan và triệt để khoa học.

Ở bài viết ngắn này, sự đồng thuận và tâm huyết đối với những kết quả nghiên cứu mới mẻ qua công trình của Đỗ Lai Thúy mà nền tảng của nó chính là tiểu luận triết - mỹ - thi ca có tên gọi *Thơ như là mỹ học của cái khác* được biểu lộ. Những công trình nghiên cứu thơ Việt hiện đại đã công bố từ trước nay cũng đã chuyên sâu về nhiều cấp độ, nhiều nội dung bản chất và đã đem lại những kết quả tổng thể hoặc bộ phận sâu sắc, nhưng đến công trình này của Đỗ Lai Thúy, giúp thức nhận những vấn đề có liên quan đến quy luật và bản thể luận về thi ca một cách khoa học hơn như nó vốn có, mà lâu nay trong đánh giá lại bị bỏ qua, không đặt nó trong tính hệ thống và tính liên ngành để luận giải. Và vì vậy, làm giảm trừ những giá trị tự trị của chính thi ca không phải là ít. Đỗ Lai Thúy đã khắc phục được những nhược điểm trên khi xem văn học - nghệ thuật ngôn từ, mà cụ thể ở đây là thi ca như là loại hình nghệ thuật kỳ diệu và khôn ngoan nhất khi nó không để lọt ra ngoài từ trường của mình những hào quang và ánh xạ cần có từ các loại hình nghệ thuật và các loại hình thái ý thức xã hội khác (kết tinh thành văn hóa nói chung) để làm giàu kinh nghiệm thẩm mỹ và năng lượng mỹ học thi ca cho chính mình.

Nghiên cứu lịch sử thi ca, nếu không đặt nó trong toàn bộ từ trường văn hóa nói chung của dân tộc - kể cả từ trường văn hóa nhân loại, thì không cất nghĩa và lý giải vấn đề một cách tối ưu và chính xác. Từ cái nhìn bản thể luận như thế, Đỗ Lai Thúy đã nghiên cứu thi ca từ xuất phát điểm *triết mỹ*, xem đó là mấu chốt của sáng tạo. Và cũng chính là mấu chốt của tiếp nhận. Ở công trình này, Đỗ Lai Thúy đã chọn thơ làm đối tượng nghiên cứu. Và chính thơ - trong và trên từng chặng hành trình của nó - luôn là *Cái khác* (Otherness) như một “phạm trù triết học và mỹ học”. Cái khác này luôn là một quá trình và có những đặc điểm thuần túy, tự thân hoặc lai ghép khác nhau trong tương quan với từng thời khoảng hoặc giai đoạn lịch sử cụ thể. Điều này được Đỗ Lai Thúy minh chứng thuyết phục từ đỉnh cao của thơ Việt trung đại cuối thế kỷ XIX, rồi bước qua thời hiện đại hóa thi ca của Thơ mới 1932 - 1945; thơ các giai đoạn 1945 - 1954; 1954 - 1975 của cả hai miền Nam - Bắc; từ 1975 đến Đổi mới (1986) và từ Đổi mới đến nay; thơ Việt hải ngoại, có cả thơ mạng.

Trong từng giai đoạn ấy, do bối cảnh văn hóa - chính trị, cái Khác của thơ cũng đầy “những quanh co, khúc khuỷu”. Đỗ Lai Thúy đã rất khoa học khi chỉ ra sự lai ghép của thơ Việt trong những bước ngoặt lịch sử - thi ca mà ông gọi là “con vật lưỡng thể, thậm chí đa thể, vừa quen lại vừa lạ”. Trong quá trình đó, chính ngôn ngữ là bản thể luận: “Và, chính ở chỗ này, triết học và lý thuyết văn học giao hội, nhà triết học và nhà phê bình văn học gặp nhau, vì cùng lấy diễn ngôn làm đối tượng nghiên cứu” (Do, 2012, p.14). Đỗ Lai Thúy, từ thực tiễn khách quan rằng khoa học, triết học, nghệ thuật và thơ “ngày càng xích lại gần nhau” để phản ánh thực tại khách quan. Cái khác của thơ có nguồn gốc tích hợp như vậy và trở thành một phạm trù mỹ học đặc thù - mỹ học thơ. Qua phân tích, lý giải, Đỗ Lai Thúy chỉ ra có căn cứ các thủ pháp và nguyên tắc sáng tạo của từng kiểu mô hình nghệ thuật ngôn từ: tiền hiện đại, hiện đại và hậu hiện đại. Trong từng mô hình nghệ thuật ấy, từng quan hệ khác ấy đã xuất hiện cái khác của thơ. Dĩ nhiên là những cái khác ở đây có nhiều cấp độ và tính chất đậm - nhạt khác nhau; đồng thời, sức sống, sức lan tỏa của chúng đến môi trường thơ cũng mạnh - yếu, dài - ngắn khác nhau. Từng hiện tượng, cá nhân hoặc cả nền thơ, khi tạo ra cái khác được Đỗ Lai Thúy minh định thuyết phục, có cả sự phân tích sự tác động tích cực hoặc tiêu cực của các thiết chế xã hội và thiết chế văn nghệ. Các thi sĩ Thơ mới tiêu biểu, bắc qua miền Bắc từ năm 1945 như Nguyễn Đình Thi, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng; ở miền Nam từ 1954 như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nhã Ca; rồi thơ của các nhà thơ thế hệ sau 1975 như: Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Nguyễn Quốc Chánh, Trần Tiến Dũng, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Phan Thị Vàng Anh, Từ Huy,... các nhà thơ trong nhóm *Dự báo phi thời tiết*... được Đỗ Lai Thúy minh chứng rất thuyết phục như là những ngã rẽ về các nẻo đường mới, nẻo đường khác để tạo ra cái khác của thơ làm thành *Mỹ học của cái Khác*.

Những vấn đề nội vi và ngoại vi có liên quan đến thơ, đặc biệt là thơ trong “hoàn cảnh hậu hiện đại” cũng được Đỗ Lai Thúy dẫn dụ và thông diễn sáng rõ, có “giảm trừ hiện tượng luận” để thấy tính khách quan và khoa học của nội dung vấn đề bàn luận. Cấu trúc ngôn ngữ thơ được xem như là tiêu chuẩn để xét giá trị nghệ thuật của thi phẩm. Chính bằng chất liệu ngôn từ mà Đỗ Lai Thúy đã chỉ ra được những hằng số triết mỹ thi ca của cái Khác để người đọc thấy được những động thái và những chuyển động của nền thơ Việt là kết quả nỗ lực của từng chủ thể sáng tạo trên từng chặng hành trình. Theo Đỗ Lai Thúy, “Làm thơ là một ứng xử ngôn ngữ. Mà ứng xử

với/cùng ngôn ngữ, xét cho cùng, là một ứng xử chữ nghĩa, một giải quyết mối quan hệ giữa *chữ* và *nghĩa*” (Do, 2012, p.43). Từ đó, ông chứng minh thơ tiền hiện đại chủ nghĩa là thơ mà “*nghĩa* đi/đứng trước *chữ*” và ông gọi đó là mô hình NGHĨA → CHỮ, tiêu biểu cho “mọi nền văn học mô phỏng/phản ánh hiện thực”. Và nó cũng có tác dụng làm mới, làm cách mạng thơ thông qua những tài năng điển hình như trường hợp Thơ mới 1932 - 1945 với Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng, Bích Khê,... Và mô hình này cũng được Đỗ Lai Thúy chứng minh bằng những chuyển động, co giãn ở từng thời khoảng với những nhà thơ có động thái đổi mới như Nguyễn Xuân Sanh, Trần Mai Ninh, Hữu Loan, Hồng Nguyên,... mà tiêu biểu nhất là Nguyễn Đình Thi: “Thơ không vãn Nguyễn Đình Thi, có thể nói, là *đỉnh sóng* của ngọn triều cách tân thơ Việt hậu Thơ Mới”, nhưng sau Tranh luận văn nghệ Việt Bắc 1949, “thơ ông nói riêng và thơ Việt nói chung tụt xuống *chân sóng*. Dòng thơ chính thống theo mô hình Nghĩa → Chữ của Thơ Mới lại chiếm vị trí chủ đạo” (Do, 2012, p.49). Chỉ sau đó, “đến hết phong trào Nhân văn Giai phẩm, một đỉnh sóng khác lại hình thành, tuy không *cao* như thơ không vãn nhưng *thân sóng* rộng hơn, ảnh hưởng lan tràn hơn” (Do, 2012, p.49). Đó là trường hợp Trần Dần, Lê Đạt - những người ý thức được tầm quan trọng của ngôn ngữ thơ, “thấy bức thiết phải làm cách mạng thơ”. Nhưng rồi, các ông cũng không vượt qua được mô hình Nghĩa → Chữ, mà phải nhường mô hình ngôn ngữ mới cho thơ giai đoạn sau khi điều kiện cá nhân các ông đã có cơ hội. Chính lúc này, sau hòa bình lập lại, Trần Dần, Lê Đạt, rồi Dương Tường, Đặng Đình Hưng,... mới cô đọng thay đổi mô hình từ Nghĩa → Chữ sang mô hình từ Chữ → Nghĩa bằng những thi pháp riêng, thi cách riêng “hòng tìm một hiện thực khác, hiện thực sau/trên/siêu hiện thực, một hiện - thực - sau - chữ” (Do, 2012, p.54). Những nhận xét này là có cơ sở từ thực tiễn sáng tạo của các nhà thơ nói trên từ thời kháng chiến chống Pháp đến thời bình sau 1975 và thời Đổi mới (1986) mới thực hiện được sự chuyển đổi này, nhưng cũng không trọn vẹn như mong ước, vì hoàn cảnh và thực tiễn sáng tạo và tiếp nhận đã khác. Và càng về sau đến đầu thế kỷ XXI, với những cấu trúc thơ tân kỳ, họ đã góp phần đưa thơ Việt “sang sân chơi hậu hiện đại”, trong đó, hiện tượng nổi bật là Hoàng Hưng với thi pháp *thơ vụn hiện*. Ở miền Nam 1954 - 1975 cũng đã biệt lập gặp nhau mô hình này ở các nhà thơ trong nhóm *Sáng tạo* mà tiêu biểu là Thanh Tâm Tuyền, khi ông cũng đã nỗ lực làm mới thi ca theo mô hình Chữ → Nghĩa, nhưng ở một điều kiện thuận lợi khác để tạo thành “nhịp thơ đô thị” hiện

đại, mới lạ cập nhật với thế giới, dấu giai đoạn sau phong trào lại rơi vào bình lặng và rời rạc. Đây là những phát hiện với những luận điểm, luận chứng mới mẻ của Đỗ Lai Thúy, bổ sung và làm đa dạng thêm diện mạo thi ca Việt, tránh được cái nhìn loại suy, phân biệt hẹp hòi, bỏ sót những giá trị thi ca.

3.2. Cái Khác của thơ như là mỹ học nối tiếp của thơ

Từ những kết quả nghiên cứu trên, Đỗ Lai Thúy tiếp tục chứng minh thơ Việt thời hậu hiện đại một cách xác quyết, cũng với mô hình Chữ → Nghĩa trong quan hệ với người đọc để chính họ tạo ra nghĩa kiến tạo. Khi ấy, “quan hệ chữ nghĩa là quan hệ bội trùng, xoắn luyến, lặp lại có tiến triển, để, cuối cùng, chỉ còn là một chuỗi cái biểu đạt: Nghĩa (tác giả) → Chữ → Nghĩa (độc giả) → Chữ” (Do, 2012, p.59). Đây cũng là kết quả khoa học mới mẻ mà các nhà thơ như “Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, người ít kẻ nhiều đều vượt quá chứ chưa vượt hẳn chủ nghĩa hiện đại để sang hậu hiện đại” (Do, 2012, p.60). Còn ở miền Nam 1954 - 1975, cũng xuất hiện những nhà thơ rất gần với hậu hiện đại như Phạm Công Thiện, Nguyễn Đức Sơn, đặc biệt là Bùi Giáng “một thi sĩ - triết gia, vừa cổ điển vừa hiện đại... Đó là cái mới của văn chương hậu hiện đại, một cái mới - cũ, chứ không phải cái mới - mới hiện đại chủ nghĩa” (Do, 2012, p.64). Đây là một phát hiện có suy tư và có sức thuyết phục.

Tiếp đến, Đỗ Lai Thúy đã tự tin xác định *tính chất* hay *cảm thức hậu hiện đại* trong thơ Việt với những nhận định mang tính lý luận và thú vị: “Những nhà thơ viết theo cảm hứng/ xu thế/ tính chất hậu hiện đại chỉ chiếm một bộ phận nhỏ sống ở mép rìa; còn các nhà thơ chính thống ở trung tâm, các nhà thơ hiện đại chủ nghĩa, các nhà thơ trẻ ở gần ngoại vi. Thơ hậu hiện đại tạo thành một xu hướng phụ, nhỏ, lẻ trong nền thơ Việt Nam” (Do, 2012, p.65). Và tính chất của thơ hậu hiện đại ở Việt Nam cũng được Đỗ Lai Thúy chỉ ra một cách đa dạng, đa tính chất, đa loại thể,... tức ở sự dung nhận đặc biệt của nó, tạo ra “tình trạng liên văn bản”. Lúc đó, “thơ không còn là sự tranh chấp (hoặc do dự) giữa Nghĩa → Chữ, Chữ → Nghĩa hoặc Chữ → Nghĩa, mà là sự đối lập giữa ngôn ngữ với toàn bộ những quy phạm, định kiến, truyền thống của văn hóa, thậm chí của chính ngôn ngữ”. Và “thể thơ tiêu biểu cho/ của hậu hiện đại, theo Đỗ Lai Thúy là *thơ tân hình thức*” (Do, 2012, p.75). Điều này, chưa được các nhà thơ tự nhận mình viết theo bút pháp hậu hiện đại xác quyết trước đó.

Đến đây cần xác nhận rằng, qua tiểu luận *Thơ như là mỹ học của cái khác*, Đỗ Lai Thúy đã vừa

thực tiễn vừa thâm định, vừa khảo luận thi ca trên nền của lý luận và của chính “diễn trình” thơ, cũng là “một phá hệ” thơ Việt từ ba phương diện: *lý thuyết văn học, lịch sử văn học và phê bình văn học* một cách bài bản, chắc chắn, có thao tác và phương pháp khoa học chặt chẽ, uyên ảo. Và dựa vào “ba chiều kích vừa song song vừa xoắn luyến vào nhau nói trên, có thể nói đến một *Mỹ học thơ*, hay *Thơ như là mỹ học của cái khác* với tính cách là một triết học nghệ thuật và một lý thuyết văn học” (Do, 2012, p.69). Việc lập luận và trình bày những ngọn nguồn cái khác của thơ từ những quy luật tương đồng của khoa học liên ngành cũng là một minh định của Đỗ Lai Thúy để càng xác tín mỹ học của cái khác trong bất kỳ nền thơ của dân tộc nào cũng là một hiện hữu không thể khác. Bởi “tiếp nhận cái Khác chính là con đường làm tròn đầy văn hóa chủ thể” (Do, 2012, p.73). Như vậy, “bằng việc chấp nhận cái Khác, hỗn dung cái Khác”, thơ không ngừng đổi mới. Qua đây, Đỗ Lai Thúy đã tiến hành nghiên cứu Mỹ học thơ một cách bản chất. Xét ở phạm trù chủ đạo, chứ không phải là duy nhất, thì “Nếu nhìn theo lý thuyết hệ hình, thì có thể thấy ở mỗi giai đoạn, nó tương ứng với một phạm trù mỹ học, như ở hệ hình tiền hiện đại là *cái đẹp*, ở hệ hình hiện đại - *cái cao cả/ cái siêu tuyệt*, còn ở hệ hình hậu hiện đại thì hẳn phải là *cái Khác*” (Do, 2012, p.75). Những lập luận nhìn từ mỹ học qua các thời kỳ với những tên tuổi các nhà mỹ học lừng danh theo nghĩa rộng đã giúp Đỗ Lai Thúy liên hệ để chứng minh diễn trình thơ Việt hiện đại nhìn từ sự nối tiếp của cái Khác chính là kết quả của quy luật tương tác từ nhiều mối quan hệ triết - mỹ - văn hóa và của chính quy luật thi ca, thông qua ý thức nghệ thuật của chủ thể sáng tạo trong từng bước ngoặt chuyển mình của đời sống xã hội. Vì thế, “để bảo vệ mình mãi mãi là một cái Khác, thơ trong tiến trình của nó, phải luôn luôn đổi khác. Thơ Việt mỗi lần đổi khác, ngoài việc tự thân vận động của nó, bao giờ cũng phải có sự trợ lực, nhiều khi là cú hích quyết liệt, của các yếu tố bên ngoài. Thơ Việt, bởi vậy, luôn là sự lai ghép. Nó lớn lên bằng những yếu tố ngoại sinh, tức cái Khác của cái Khác. Thậm chí, có thể nói, thơ Việt khác từ trong trứng nước, từ ở những thành phần cấu tạo nên nó” (Do, 2012, p.83). Trong đó, trước hết phải nói đến chất liệu ngôn ngữ Việt qua các hình thái (chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ latin), kể đến là thể loại, hình thức khổ thơ, dòng thơ, câu thơ và các yếu tố tham gia cấu thành tác phẩm khác nữa. Cái Khác, cứ thế luôn được thay thế đột biến hay tiệm biến, bộ phận hay toàn phần, nối tiếp hay đứt gãy,... Tất cả đều được Đỗ Lai Thúy luận giải khoa học cả thực tiễn và lý luận cho cả tiến trình thơ Việt hiện đại qua từng không gian, thời gian cũng như địa văn hóa, địa

tâm thức,... Ngoài ra, cái nhìn xuyên quốc gia, bao gồm cả thơ Việt hải ngoại, thơ mạng trong và ngoài nước cũng được Đỗ Lai Thúy nhìn nhận, đánh giá một cách khoan dung và khoa học từ tiêu chí cái Khác để nghiền ngẫm chỉ ra cái Khác, gọi tên cái Khác. Và từ đó, mà khái quát thành lịch sử cái Khác của thơ: “có thể lấy cái Khác làm hệ quy chiếu để *tư duy lại* tiến trình thơ, từ đó, đưa ra một cái nhìn khác, một lối viết khác lịch sử thơ”. Qua đó, Đỗ Lai Thúy khái quát, trong thơ Việt đến nay, ít nhất có đến mười một lịch sử: 1) Thơ chữ Hán, 2) Thơ chữ Nôm, 3) Thơ quốc ngữ lúc giao thời, 4) Thơ Mới, 5) Thơ đầu kháng chiến chống Pháp, 6) Thơ Nhân văn và hậu Nhân văn, 7) Thơ thành thị miền Nam 1955-1975, 8) Thơ chính thống và chính thức, 9) Thơ Đôi mới và hậu Đôi mới, 10) Thơ đương đại, 11) Thơ hải ngoại” (Do, 2012, p.98). Ở đó, “mỗi dòng thơ trên đều là một lịch sử thơ, bởi lẽ trước hết đó là lịch sử một cái Khác. Nghĩa là nó cũng có ra đời, phát triển và tàn lụi” (Do, 2012, p.98), “Mỗi lịch sử thơ có một số phận riêng, vận động theo quy luật của chính nó, chứ không phải chỉ theo các mốc hoặc các tư tưởng chính trị - xã hội” (Do, 2012, p.99). Những lập luận dẫn đến những kết luận như trên quả đã tác động đến nhận thức của người đọc về lịch sử thơ Việt một cách sâu sắc và mới mẻ.

Từ những lập luận và khảo cứu khoa học trong tiểu luận *Thơ như là mỹ học của cái khác*, qua diễn trình của khoa học, triết học và nghệ thuật, Đỗ Lai Thúy đã xác tín rằng “cái Khác như là động lực phát triển của văn học, một loại hình chủ đạo của nghệ thuật, nhất là của thơ, thể loại chính của văn học, đặc biệt của văn học Việt Nam nói riêng” (Do, 2012, p.107). Tuân thủ những nguyên tắc lý luận và thực tiễn trong tiểu luận *Thơ như là mỹ học của cái khác*, Đỗ Lai Thúy đã tiếp tục thành công ở phần hai và phần ba của chuyên luận qua những gương mặt thơ tiêu biểu trong từng thời kỳ, từng giai đoạn với sự thâm định và giải mã thế giới nghệ thuật của họ một cách tài hoa, sáng tạo, nhằm minh định cho những kết luận khoa học của mình. Những phong cách thơ độc sáng như Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Đình Thi, Thanh Tâm Tuyền,... có giá trị đặc biệt, như những cách tân thơ tích cực, làm hiện lên cái Khác cả trước và sau những cái Khác đặc sắc của từng nhà thơ. “Mỗi người *một mặt* khoe bày được cái Khác của mình như một cách tân thơ táo bạo, *mặt khác* kết hợp với những cái Khác của người khác, đưa thơ Việt đi từ tiền hiện đại, qua hiện đại, cập bến hậu hiện đại, nhịp bước cùng thế giới đương đại” (Do, 2012, p.107). Mỗi bài viết chuyên sâu của Đỗ Lai Thúy về các nhà thơ nói trên đều hay, mới lạ với khả năng cảm nhận thẩm mỹ thơ tinh tế, chỉ ra được độc

sáng nghệ thuật của họ, làm thành mỹ học của cái khác cho nền thơ Việt hiện đại. Đó là khả năng nghiên cứu sâu, toàn diện. Còn một thể mạnh khác trong cảm nhận ở cấp khái quát tượng trưng, ấn tượng ngắn của Đỗ Lai Thúy chính là năng lực nói hay, nói đúng cái riêng, cũng chính là cái Khác - mỹ học thơ ở từng thi sĩ trong phần ba *Những nẻo đường của cái Khác*. Nhất là nhận định thi pháp thơ đặc sắc của các nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, Quang Dũng, Nguyễn Đình Thi, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, Nhã Ca, Tô Thùy Yên, Bùi Giáng, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Phùng Cung, Dương Tường, Nguyễn Quang Thiều, Phan Nhiên Hạo,... Những giải mã thi pháp nói trên đều được Đỗ Lai Thúy kết hợp tài hoa vốn hiểu biết về triết mỹ, văn hóa và nghệ thuật sâu sắc của mình. Vì vậy mà những gì rút ra từ thi giới của từng nhà thơ có sức năng động thẩm mỹ kép đặc biệt, không còn là tượng trưng và ấn tượng thuần túy nữa. Nhân quan khoa học và nhân quan thẩm mỹ, làm thành giá trị mỹ học thơ của Đỗ Lai Thúy chính là ở khả năng tích hợp cảm xúc, tri thức triết mỹ và nghệ thuật một cách năng động, giàu sáng tạo thông qua hệ ngôn ngữ phê bình cảm xúc và luận lý cũng sắc sảo, hấp dẫn.

4. KẾT LUẬN

Để kết luận bài viết ngắn về chuyên luận *Thơ như là mỹ học của cái khác*, thiết nghĩ không cần bình luận gì thêm, chỉ trích lại ý kiến của chính Đỗ Lai Thúy như là sự minh định và xác tín cho diễn trình (hay phá hệ) của thơ Việt Nam hiện đại: “Như vậy, nhìn tiến trình thơ Việt như là một tổng thể phi tổng thể của những lịch sử thơ có thể cho ta thấy một bức tranh phong phú, đa dạng trong sự vận động. Trong đó, mỗi lịch sử vừa phát triển độc lập vừa tương tác lẫn nhau, và không có lịch sử nào là không quan trọng, kể cả những lịch sử tưởng như không phải là lịch sử. Hơn nữa, tính tương đối này của lịch sử còn chứng tỏ rằng: thực ra, không hề có một lịch sử bản nguyên, đích thực, mà chỉ có các *diễn ngôn về lịch sử*. Từ đây, ta có một *lối nhìn* khác về lịch sử thơ Việt và, quan trọng hơn, một *lối viết* khác về lịch sử thơ Việt, phù hợp với con người *cá nhân toàn vẹn* và mỹ học của cái khác” (Do, 2012, p.102). Và nữa, “Nhìn thơ Việt, mỹ học của cái Khác, thực ra, là thay cái nhìn *từ trung tâm* ra bằng cái nhìn *từ ngoại vi* vào, không chỉ trình ra một thơ - Việt - khác, mà còn thấy cái khác chính là *thực chất* của thơ, nhất là *thơ đương đại* trong hậu hiện đại và, do đó, thơ, dù có thể gặp vô vàn cản trở, không thể không trở về/ đi đến cái thực chất của mình” (Do, 2012, p.104). Điều này, bạn đọc có thể nghiệm nhận qua *Những chân*

trần đến cái Khác và Những nẻo đường của cái Khác.

Thơ như là mỹ học của cái khác là công trình đặt ra, đặt lại và đặt mới cách nhận thức về tiến trình thơ

Việt Nam hiện đại rất có giá trị và thực sự khoa học. Từ đây, có thể tiếp tục làm đầy những nhận định và kết luận mới lịch sử thơ Việt khi có những cái Khác - với tư cách là mỹ học mới của thơ tiếp tục xuất hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

Ho, T. H. (2018). *Thơ Việt Nam hiện đại - Thị luận và chân dung*. Văn học Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).

Ma, G. L. (2000). *Tiến trình thơ hiện đại Việt Nam*. Giáo dục Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).

Do, L. T. (2012). *Thơ như là mỹ học của cái khác*. Hội nhà văn Publishing House and Song Thủy Bookstore. Hanoi (in Vietnamese).

Do, L. T. (1992). *Mắt thơ*. Lao động Publishing House (in Vietnamese).